TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **347**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Lại Hữu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1982 – Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Số B7/23 ấp 2, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1974 – Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Số B7/23 ấp 2, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 13/4/2022, bản tự khai ngày 27/5/2022, biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 27/5/2022, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/10/2022 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 19/10/2022, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01/04. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2013, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù bà L đã cố gắng hàn gắn. Bà L và ông T đã sống ly thân

từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Bùi Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà L và ông T chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết T (nữ), sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ), sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Ngọc Y và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai ngày 12/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày*:**

Ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị L chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01/04. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2013, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay ông Nguyễn Thanh T đồng ý yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị L.

Về con chung: Ông T và bà L chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết T (nữ), sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ngọc Yến (nữ), sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn, ông Nguyễn Thanh T đồng ý giao con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc Yến (nữ), sinh ngày 14/12/2013 cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau: Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Thị L đối với ông Nguyễn Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 31/5/2022 do Công an xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì ông Nguyễn Thanh T có đăng ký thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ: xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T.

+ Bà Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị L.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn 120, quyển số 01/04 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2004 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù bà L đã cố gắng hàn gắn. Bà L và ông T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Mục đích hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T đã không còn, bà L không muốn chung sống với ông T nữa và yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị L chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01/04. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2013, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay ông Nguyễn Thanh T đồng ý yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị L.

Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T thì được biết: *"Trường hợp của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T về mâu thuẫn địa phương không rõ; hiện tại ông T sống và làm nhang tại địa phương còn bà Bùi Thị L đi đâu không rõ. Hiện tại người con lớn sống chung với ông T".*

Do đó, Hội đồng xét xử xét nhận thấy việc bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L đối với ông Nguyễn Thanh T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T: Bà L và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết T (nữ), sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ), sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn, các đương sự đồng ý giao con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc Y cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng của bà Bùi Thị L về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho trẻ vì bà Bùi Thị L là mẹ lại gần gũi và chăm sóc con từ nhỏ nên bà Bùi Thị L có đầy đủ điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Nguyễn Thanh T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ), sinh ngày 14/12/2013 cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T đều xác nhận ông bà chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bùi Thị L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L đối với ông Nguyễn Thanh T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01/04 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2004 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Y (nữ), sinh ngày 14/12/2013 cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh T do bà Bùi Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T xác nhận ông bà chung sống không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

4. Về nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T xác nhận ông bà chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041026 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền